

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2022/DS-PT

Ngày 17- 5 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan.

Ông Hồ Minh Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số:17/2022/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn U, sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 10B, xã T, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th: Ông Trần Chi Lăng, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp1, Xã V, huyện C, tỉnh C

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Ngọc Th (Tên khác Tèo), sinh năm: 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 10B, xã T, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th: Ông Nguyễn Thanh Hùng, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh C

2. Ông Phạm Văn B1, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã K, huyện T, tỉnh C ..

3. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị B2, sinh năm 1938.

Địa chỉ: Ấp 10B, xã T, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị B2: Bà Nguyễn Thị Bảy sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 10B, xã T, huyện T, tỉnh C ..

2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1978 (Vợ ông T, có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh C ..

3. Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1980 (Vợ ông B1, có mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã K, huyện T, tỉnh C ..

4. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1967 (Vợ ông U, có mặt)

Địa chỉ: Ấp 10B, xã T, huyện T, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Trịnh Văn U là nguyên đơn, bà Huỳnh Thị D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 17/11/2002, vợ chồng ông Phạm Văn T và vợ chồng ông Phạm Văn B1 chuyển nhượng cho ông phần đất diện tích ngang 72m dài 162m, tại ấp 10B, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Phần đất khi chuyển nhượng đã có bờ bao riêng nguồn gốc đất do ông Phạm Văn Cơm (Cha của ông T và ông B1) đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi chuyển nhượng có lập “Tờ sang nhượng đất ruộng”, có mặt ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn B1, bà Trần Thị B2 vợ ông Cơm, bà Trần Thị L, bà Nguyễn Hồng N và có sự chứng kiến của ông Trần Trung Tính, ông Trịnh Văn Bé. Giá chuyển nhượng là 60 chỉ vàng 24k, thanh toán khi lập giấy chuyển nhượng 47 chỉ, còn lại 13 chỉ 02 năm sau thanh toán. Ông đã trả đủ số vàng và liên hệ gia đình ông T, ông B1 để tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Cơm đang thế chấp vay tiền ở Ngân hàng nên không thực hiện được việc tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn T, bà Trần Thị L, ông Phạm Văn B1, bà Nguyễn Hồng N, bà Trần Thị B2 và ông Phạm Ngọc Th (phải có trách nhiệm thực hiện việc lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất phần đất ngang 72m dài 162m tại ấp 10B, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Phạm Ngọc Th là ông Nguyễn Thanh*

Hùng trình bày:

Nguồn gốc đất chuyển nhượng là của ông Phạm Văn Cơm được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, diện tích 52.570m², gồm 4 thửa 454, 455, 472, 480 phần đất chuyển nhượng thuộc thửa số 480. Ông Cơm mất ngày 13/3/1999. Đối với phần đất trên, ngày 22/6/2017 các đồng thừa kế của ông Cơm đã thống nhất giao cho ông Th và được điều chỉnh sang tên ông Th

Tháng 3/2020 ông Trịnh Văn U gặp ông Th yêu cầu tách quyền sử dụng đất cho ông U 01 phần đất thuộc thửa 480, từ đó phát sinh tranh chấp. Việc ông U canh tác không ngăn cản là vì phía bà B2, ông Cơm cho rằng trước đây có cho vợ chồng ông B1 và vợ chồng ông T mượn đất để canh tác trang trại cuộc sống. Gia đình ông Th nghĩ do hoàn cảnh ông T và ông B1 khó khăn đem đất cổ cho ông Trịnh Văn U nên thấy ông Trịnh Văn U canh tác không ai ngăn cản. Nay ông Th, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn U. Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa ông U với vợ chồng ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn B1, trả lại cho ông Th phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 12.415,9m², tọa lạc ấp 10B, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

* Bị đơn là ông Phạm Văn B1 trình bày: Việc chuyển nhượng như ông U trình bày là có thật, cha ông là ông Phạm Văn Cơm còn sống có cho ông và vợ Nguyễn Hồng N 03 công, cho anh Phạm Văn T và chị Trần Thị L 04 công trong thửa đất số 480 canh tác để sinh sống, nhưng không cho chuyển nhượng. Đến năm 2002, ông và ông T thống nhất, cùng chuyển nhượng phần đất mà cha mẹ cho canh tác cho ông Trịnh Văn U, khi chuyển nhượng không có bà Trần Thị B2, chỉ có mặt vợ chồng ông và vợ chồng ông T, vợ chồng ông U và ông Trần Trung Tính. Khi chuyển nhượng nói với ông U diện tích chuyển nhượng là 07 công, không đo đạc, giá chuyển nhượng là 60 chỉ vàng 24k, khi chuyển nhượng có lập giấy tay được chính quyền xác nhận, ông U thanh toán cho vợ chồng ông và vợ chồng ông T xong số vàng trên.

Hiện nay phần đất đã được điều chỉnh tên cho ông Th nên ông yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng. Ông đồng ý thanh toán lại cho ông U số vàng mà ông đã nhận.

* Bị đơn là ông Phạm Văn T trình bày: Ông thống nhất với trình bày của ông B1 về nội dung giao dịch với ông Trịnh Văn U. Do việc chuyển nhượng không được sự đồng ý của cha mẹ, hiện nay phần đất đã được điều chỉnh tên cho ông Th nên ông yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng. Ông đồng ý thanh toán lại cho ông U số vàng mà ông đã nhận.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị B2 trình bày: Trước đây, khi chồng bà là ông Cơm còn sống có cho con là Phạm Văn T, Phạm Văn B1 07 công đất để canh tác sinh sống nhưng giao không được sang bán. Bà thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Thanh Hùng, ông Phạm Văn B1, ông Phạm Văn T. Yêu cầu trả lại phần đất tranh chấp cho ông Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Hồng N trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông Phạm Văn B1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị L trình bày: Phần đất tranh chấp được cha mẹ chồng là ông Cơm, bà B2 cho vợ chồng bà trước năm 1997, cho không làm giấy tờ, sau khi cho vợ chồng bà canh tác đến năm 2002 thì chuyển nhượng cho ông U, nội dung chuyển nhượng đúng như ông U trình bày, sau khi chuyển nhượng phía ông U đã trả đủ số vàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị D trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông U.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/11/2002 giữa ông Trịnh Văn U và ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn B1, bà Trần Thị L, bà Nguyễn Hồng N vô hiệu.

Buộc ông Trịnh Văn U, bà Huỳnh Thị D giao trả lại cho ông Phạm Ngọc Th phần đất diện tích 12.415,9m², tọa lạc ấp 10B, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Kèm theo sơ đồ đo đạc). Giao cho ông Phạm Ngọc Th tiếp tục sử dụng phần cây trồng (Chuối và một số cây tạp...) trên phần đất.

Buộc ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn B1, bà Trần Thị L, bà Nguyễn Hồng N trả cho ông Trịnh Văn U 60 (Sáu mươi) chỉ vàng 24kara.

Buộc ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn B1, bà Trần Thị L, bà Nguyễn Hồng N bồi thường cho ông Trịnh Văn U số tiền 34.398.500 đồng.

Buộc ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn B1, bà Trần Thị L, bà Nguyễn Hồng N hoàn lại cho ông Trịnh Văn U chi phí tố tụng số tiền là 4.600.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/01/2022 ông Trần Văn Út và vợ là Huỳnh Thị D kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm công nhận phần đất ngang 72m dài 126 m là của ông U. Vì phần đất đã nhận chuyển nhượng từ năm 2002 đã giao đủ vàng và đã nhận đất sử dụng 20 năm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông U và bà D theo hướng công nhận hợp đồng chuyển nhượng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Trịnh Văn U và bà Huỳnh Thị D Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trịnh Văn U và ông Phạm Văn B1, Phạm Văn T bà L bà N là có thật tại “tờ sang đất làm

ruộng ngày 17/11/2002 đã được thể hiện rõ, các chủ thể giao dịch đều hoàn toàn thừa nhận tự nguyện ký kết, được sự chứng kiến và xác nhận của chính quyền địa phương xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời ký, đóng dấu. Các bên nhận chuyển nhượng đã giao đất và giao tiền đầy đủ, bên nhận chuyển nhượng đã quản lý sử dụng phần đất chuyển nhượng.

[2] Về nguồn gốc đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 1994 đứng tên của ông Phạm Văn Cơm là chồng là cha ruột của ông B1, ông T và là chồng của bà B2, tổng diện tích là 52.570m². Theo sự thừa nhận của ông T, ông B1, bà L, bà N thì phần đất chuyển nhượng tại thửa số 480 tờ bản đồ số 14 do ông Cơm cho ông T, ông B1 năm 1993. Bà Trần Thị B2 thừa nhận khi cho đất Thanh và Bình canh tác sử dụng, nhưng không được sang nhượng. Như vậy việc ông Cơm cho đất ông T, ông B1 là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có điều kiện, từ cha cho con và điều kiện ràng buộc ông T, ông B1 là không được sang nhượng, bản thân ông T và ông B1 đã sử dụng canh tác trên phần đất thửa số 480 tờ bản đồ số 14. Phần đất ông Cơm đứng tên cho lại hai người con thửa 480 là hoàn toàn phù hợp, thời điểm cho đất ông Cơm vẫn còn sống, quyền sử dụng đất là của ông Cơm nên các đồng thừa kế của ông Cơm không có quyền. Khi ông Cơm chết thì điều kiện “không được sang nhượng” không còn đối với ông T, ông B1 và quyền sử dụng đất hoàn toàn của ông T, ông B1.

Về thủ tục tặng cho tuy chưa làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do là cha con, đây là điều kiện về hình thức của hợp đồng tặng cho. Trên thực tế ông T và ông B1 đã quản lý sử dụng canh tác từ năm 1993 đến năm 2002 thì chuyển nhượng cho ông Trịnh Văn U có bà Trần Thị B2 chứng kiến cùng chính quyền địa phương xã Trần Hợi. Lẽ ra ông T và ông B1 được quyền tách sổ.

[3] Việc chuyển nhượng đất của ông T, ông B1 và ông U là sự tự nguyện của các bên không vi phạm về nội dung điều kiện chuyển nhượng, sau khi chuyển nhượng ông U đã sử dụng canh tác khoảng 20 năm nay trồng cây trên đất, bên chuyển nhượng hoàn toàn không có ý kiến phản đối và địa phương cũng không có ý kiến, bên nhận chuyển nhượng chuyển nhượng giao đủ tiền và bên chuyển nhượng cũng đã giao đất. Về mặt hình thức các bên chưa thực hiện theo qui định công chứng, chứng thực do đất thế chấp Ngân hàng nên không làm giấy tách sổ được. Ông U cho là ông T và ông B1 hứa hẹn chuộc lại giấy sẽ tách sổ nhưng kéo dài đến nay. Đến năm 2017 các đồng thừa kế của ông Cơm trong đó có ông T, ông B1 lại ký văn bản phân chia tài sản giao toàn bộ phần đất cho ông Th kể cả thửa đất đã chuyển nhượng cho ông U và được điều chỉnh sang tên cho ông Phạm Ngọc Th là em ruột của ông T, ông B1.

Bản thân ông Th vẫn biết ông U quản lý sử dụng phần đất, nhưng cho là ông B1 và ông T cầm cố. Điều này không có căn cứ bởi vì ông U đã canh tác sử dụng thời gian lâu dài trên đất, tờ sang nhượng và người chứng kiến điều biết việc chuyển nhượng. Việc ông B1, ông T ký văn bản phân chia tài sản là không hợp pháp vì thời điểm này đất đã chuyển nhượng cho ông U, bản thân ông B1, ông T là người có nghĩa vụ trong giao dịch chuyển nhượng đất với ông U nhưng lại ký văn bản phân chia tài sản giao thừa kế và điều chỉnh sang tên ông Th. Khi ký kết văn

bản phân chia tài sản chính quyền địa phương không xác minh thực địa phần đất, không nắm rõ phần đất từ đó Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Trần Văn Thời đã điều chỉnh tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa phù hợp. Các thừa kế chỉ được phân chia tài sản của ông Cơm để lại, vì hợp đồng tặng cho giữa ông Cơm và ông T, ông B1 đã hoàn thành.

[4] Cấp sơ thẩm áp dụng điều 131 Bộ luật dân sự 2015 tuyên bố hợp đồng vô hiệu, và giải quyết hậu quả là chưa thỏa mãn, bởi lẽ tại khoản 1 Điều 82 Nghị Định 43/2014-NĐ-CP ngày 15/5/2014 qui định chi tiết thi hành Luật đất đai, thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước ngày 01/01/2008 và khoản 2 Điều 129, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 qui định “Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm qui định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì Tòa án ra quyết định công nhận giao dịch đó”. Đối chiếu trường hợp này các bên đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ. Tại điểm b khoản 1 Điều 688 điều khoản chuyển tiếp BLDS 2015 qui định: Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật này thì áp dụng Bộ luật này và theo tinh thần Nghị quyết 02/2004 ngày 10/8/2004 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn các tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, đối chiếu Phần II Mục 2.3 tiểu mục B.2 của Nghị quyết thì trường hợp này không coi là hợp đồng vô hiệu.

Đối với việc ông T, ông B1 từ chối nhận thừa kế mà đồng ý điều chỉnh phần đất sang tên ông Phạm Ngọc Th là không phù hợp vì các đương sự còn có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đối với ông U.

Từ phân tích trên, xét thấy án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông U là chưa có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Văn U và người liên quan bà Huỳnh Thị D. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo hướng công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông U với ông T, ông B1, bà L, bà N.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp với các phân tích trên.

[5] Về chi phí tố tụng: Ông Trịnh Văn U đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 200.000 đồng, chi phí đo đạc 9.000.000 đồng. Buộc ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn B1, ông Phạm Văn Thơ (Tèo) hoàn lại cho ông Trịnh Văn U chi phí tố tụng số tiền là 9.200.000 đồng. Mỗi người trả lại số tiền 3.066.000đ.

[6] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch: Do công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên ông T, ông B1, ông Th (Tèo) mỗi người phải nộp 300.000đ. Ông Trịnh Văn U không phải nộp, đã dự nộp được hoàn lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông U, bà D không phải chịu, ông U, bà D đã dự nộp được hoàn lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123 khoản 2 Điều 131 của Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Văn U và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị D. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn U.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/11/2002 giữa ông Trịnh Văn U và ông Phạm Thanh B1, ông Phạm Văn T, bà Trần Thị L, bà Nguyễn Hồng N đối với phần đất diện tích ngang 72m, dài 162m thửa số 480, tờ bản đồ số 14 tại ấp 10B, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05730 do UBND huyện Trần Văn Thời cấp ngày 04/02/1994 đứng tên ông Phạm Văn Cơm (Được điều chỉnh sang tên ông Phạm Ngọc Th (tại trang 4)

Điều chỉnh một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05730 do UBND huyện Trần Văn Thời cấp ngày 04/02/1994 đứng tên ông Phạm Văn Cơm, (Được điều chỉnh sang tên ông Phạm Ngọc Th (tại trang 4)

Các đương sự ông Trịnh Văn U, Phạm Ngọc Th liên hệ Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định.

2. Chi phí tố tụng: Ông Trịnh Văn U đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 200.000 đồng, chi phí đo đạc 9.000.000 đồng. Tổng cộng là 9.200.000 đồng. Buộc ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn B1, ông Phạm Ngọc Th (mỗi người phải trả lại cho ông Trịnh Văn U số tiền là 3.066.000 đồng.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn B1, ông Phạm Văn Th (Tèo) mỗi người phải nộp 300.000 đồng (Chưa nộp). Ông Trịnh Văn U không phải nộp ngày 25/3/2020 đã dự nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Lai số 0003730) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được hoàn lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Văn U, bà Huỳnh Thị D không phải nộp. Ngày 26/01/2022 ông U, bà D đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người 300.000 đồng (Lai số 0004342; 0004343) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được hoàn lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Hùng Quang